TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

**TRUNG TÂM ĐÀO TẠO CHUẨN ĐẦU RA**

# DANH SÁCH LỚP KỸ NĂNG MỀM - NĂM 2025

**BẮT ĐẦU HỌC: 06/01/2025**

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 25-KNM-01<br>Phòng D1-02<br>(18h30-20h45) | Thứ 2<br>06/01<br>2025 | Thứ 4<br>08/01<br>2025 | Thứ 6<br>10/01<br>2025 | Thứ 2<br>13/01<br>2025 | Thứ 4<br>15/01<br>2025 | Nghỉ tết Nguyên đán | Thứ 2<br>10/02<br>2025 | Thứ 4<br>12/02<br>2025 | Thứ 6<br>14/02<br>2025 | Thứ 2<br>17/02<br>2025 | Thứ 4<br>19/02<br>2025 | Thứ 2<br>24/02<br>2025 | Thứ 4<br>26/02<br>2025 | Thứ 6<br>28/02<br>2025 | Thứ 2<br>03/03<br>2025 | Thứ 4<br>05/03<br>2025 | Thứ 2<br>10/03<br>2025 | Thứ 4<br>12/03<br>2025 | Thứ 6<br>14/03<br>2025 | Thứ 2<br>17/03<br>2025 | Thứ 4<br>19/03<br>2025 |
| | Cô Minh Huyền | Cô Minh Huyền | Cô Minh Huyền | Cô Minh Huyền | Cô Minh Huyền | | Thầy Văn Thuyên | Thầy Văn Thuyên | Thầy Văn Thuyên | Thầy Văn Thuyên | Thầy Văn Thuyên | Cô Hạnh | Cô Hạnh | Cô Hạnh | Cô Hạnh | Cô Hạnh | Thầy Tuấn Anh | Thầy Tuấn Anh | Thầy Tuấn Anh | Thầy Tuấn Anh | Thầy Tuấn Anh |
| | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử |
| | Kỹ năng 1 | Kỹ năng 1 | Kỹ năng 1 | Kỹ năng 1 | K.Tra | | Kỹ năng 2 | Kỹ năng 2 | Kỹ năng 2 | Kỹ năng 2 | K.Tra | Kỹ năng 4 | Kỹ năng 4 | Kỹ năng 4 | Kỹ năng 4 | K.Tra | Kỹ năng 3 | Kỹ năng 3 | Kỹ năng 3 | Kỹ năng 3 | K.Tra |

✱✱✱ **Yêu cầu giảng viên điểm danh đầy đủ, chính xác và nhắc nhở các trường hợp vắng nhiều.**

| STT | MÃ SV | HỌ VÀ | TÊN | NGÀY SINH | NƠI SINH | LỚP | KN1 ra Quyết định và Xử lý vấn đề | | | | | KN2 chuẩn bị CV và trả lời Phỏng vấn | | | | | KN3 Giao tiếp và Ứng xử | | | | | KN4 Thuyết trình và Làm việc nhóm | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT |
| 1 | 225819 | Phạm Ngô Đức | Anh | 01/01/2004 | Cà Mau | DH22YKH05 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | 200383 | Trần Quốc | Bảo | 08/07/2002 | Kiên Giang | DH20QTN01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | 226402 | Lâm Hoàng | Bửu | 08/09/2001 | Cần Thơ | DH22TDT01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 4 | 190163 | Ngô Hải | Đăng | 09/09/2001 | Vĩnh Long | DH21OTO06 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | 225323 | Đỗ Tiến | Đạt | 17/11/2004 | 0 | DH22QTK06 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 6 | 226488 | Nguyễn Thành | Đạt | 16/05/2004 | Long An | DH22YKH05 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 7 | 223933 | Trang HoaNg | ĐiNh | 27/08/2004 | Sóc Trăng | DH22YKH05 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 8 | 200763 | Trần Phương | Đông | 11/11/2002 | Hậu Giang | DH20OTO03 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 9 | 224592 | Lê Hiền | Đức | 16/01/2004 | Cần Thơ | DH22OTO09 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 10 | 200300 | Lê Trọng | Đức | 10/11/2002 | Cần Thơ | DH20TIN02 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 11 | 235673 | Nguyễn Thị Trúc | Hà | 02/11/2005 | Kiên Giang | DH23LKT01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 12 | 202979 | Phạm Thanh | Hà | 23/01/2000 | Hà Nội | DH20MAR01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 13 | 225449 | Nguyễn Quốc | Hải | 21/12/2004 | 0 | DH22KPM01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 14 | 213021 | Phùng Bảo | Hoàng | 13/02/2003 | An Giang | DH21OTO07 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 15 | 223536 | Đặng Huỳnh Quốc | Hùng | 25/04/2004 | Hậu Giang | DH22OTO09 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 16 | 220404 | Trần Quốc | Huỳnh | 25/12/2004 | Kiên Giang | DH22OTO09 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 17 | 220672 | Nguyễn Nguyên | Khang | 24/05/2004 | Tiền Giang | DH22CKD01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 18 | 226000 | Phạm Hùng | Khang | 06/04/2004 | Cà Mau | DH22KPM01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 19 | 221181 | Lê Gia | Khánh | 09/09/2004 | Cần Thơ | DH22KPM01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 20 | 224562 | Võ Hữu | Lợi | 19/10/2004 | Hậu Giang | DH22YKH05 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

**TRUNG TÂM ĐÀO TẠO CHUẨN ĐẦU RA**

# DANH SÁCH LỚP KỸ NĂNG MỀM - NĂM 2025

**BẮT ĐẦU HỌC: 06/01/2025**

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 6 | Thứ 2 | Thứ 4 | | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 6 | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 6 | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 6 | Thứ 2 | Thứ 4 |
| | 06/01 2025 | 08/01 2025 | 10/01 2025 | 13/01 2025 | 15/01 2025 | | 10/02 2025 | 12/02 2025 | 14/02 2025 | 17/02 2025 | 19/02 2025 | 24/02 2025 | 26/02 2025 | 28/02 2025 | 03/03 2025 | 05/03 2025 | 10/03 2025 | 12/03 2025 | 14/03 2025 | 17/03 2025 | 19/03 2025 |
| 25-KNM-01 Phòng D1-02 (18h30-20h45) | Cô Minh Huyền | Cô Minh Huyền | Cô Minh Huyền | Cô Minh Huyền | Cô Minh Huyền | Nghỉ tết Nguyên đán | Thầy Văn Thuyên | Thầy Văn Thuyên | Thầy Văn Thuyên | Thầy Văn Thuyên | Thầy Văn Thuyên | Cô Hạnh | Cô Hạnh | Cô Hạnh | Cô Hạnh | Cô Hạnh | Thầy Tuấn Anh | Thầy Tuấn Anh | Thầy Tuấn Anh | Thầy Tuấn Anh | Thầy Tuấn Anh |
| | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử |
| | Kỹ năng 1 | Kỹ năng 1 | Kỹ năng 1 | Kỹ năng 1 | K.Tra | | Kỹ năng 2 | Kỹ năng 2 | Kỹ năng 2 | Kỹ năng 2 | K.Tra | Kỹ năng 4 | Kỹ năng 4 | Kỹ năng 4 | Kỹ năng 4 | K.Tra | Kỹ năng 3 | Kỹ năng 3 | Kỹ năng 3 | Kỹ năng 3 | K.Tra |

✱✱✱ **Yêu cầu giảng viên điểm danh đầy đủ, chính xác và nhắc nhở các trường hợp vắng nhiều.**

| STT | MÃ SV | HỌ VÀ | TÊN | NGÀY SINH | NƠI SINH | LỚP | KN1 ra Quyết định và Xử lý vấn đề | | | | | KN2 chuẩn bị CV và trả lời Phỏng vấn | | | | | KN3 Giao tiếp và Ứng xử | | | | | KN4 Thuyết trình và Làm việc nhóm | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT |
| 21 | 219434 | Hồ Đoan | Mẫn | 25/09/2003 | An Giang | DH21NNA06 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 22 | 223145 | Lê Thị Tú | Mi | 05/11/2004 | Đồng Tháp | DH22KPM01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 23 | 223664 | Ngô Nhật | Nam | 04/11/2004 | An Giang | DH22YKH05 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 24 | 223845 | Nguyễn Thị Hồng | Ngân | 24/04/2004 | Sóc Trăng | DH22KPM01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 25 | 190070 | Phạm Thảo | Nguyên | 20/01/2001 | Cà Mau | DH19TCN01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 26 | 224301 | Phạm Chí | Nguyện | 20/01/2004 | Bạc Liêu | DH22OTO11 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 27 | 200713 | Nguyễn Hoàng | Nhân | 04/12/2002 | Cần Thơ | DH20OTO03 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 28 | 226193 | Nguyễn Trọng | Nhân | 13/07/2004 | An Giang | DH22OTO11 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 29 | 220458 | Nguyễn Thành | Nhơn | 07/01/2004 | Vĩnh Long | DH22OTO11 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 30 | 221178 | Huỳnh Thị Phi | Nhung | 27/11/2004 | Cần Thơ | DH22KPM01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 31 | 212874 | Nguyễn Trần Trọng | Phẩm | 25/02/2003 | Hậu Giang | DH21OTO07 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 32 | 200818 | Trang Lý Kim | Phong | 17/01/2002 | Trà Vinh | DH20OTO03 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 33 | 220246 | Nguyễn Tòng | Phúc | 26/10/2004 | Cần Thơ | DH22KPM01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 34 | 225112 | Cao Phú | Quí | 02/12/2004 | 0 | DH22CKD01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 35 | 226155 | Nguyễn Tấn | Tài | 25/08/2004 | An Giang | DH22OTO11 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 36 | 222515 | Trần Hữu | Tài | 06/06/2004 | Đồng Tháp | DH22KPM01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 37 | 235890 | Võ Thanh | Thảo | 28/12/2005 | Cần Thơ | DH23LKT01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 38 | 223842 | Trần Quốc | Thống | 07/11/2004 | Sóc Trăng | DH22KPM01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 39 | 232557 | Lê Minh | Thư | 18/03/2005 | Bạc Liêu | DH23LKT01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 40 | 224239 | Lưu Vĩ | Thuận | 19/07/2004 | An Giang | DH22KPM01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

**TRUNG TÂM ĐÀO TẠO CHUẨN ĐẦU RA**

# DANH SÁCH LỚP KỸ NĂNG MỀM - NĂM 2025

**BẮT ĐẦU HỌC: 06/01/2025**

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 6 | Thứ 2 | Thứ 4 | | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 6 | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 6 | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 2 | Thứ 4 | Thứ 6 | Thứ 2 | Thứ 4 |
| | 06/01 2025 | 08/01 2025 | 10/01 2025 | 13/01 2025 | 15/01 2025 | | 10/02 2025 | 12/02 2025 | 14/02 2025 | 17/02 2025 | 19/02 2025 | 24/02 2025 | 26/02 2025 | 28/02 2025 | 03/03 2025 | 05/03 2025 | 10/03 2025 | 12/03 2025 | 14/03 2025 | 17/03 2025 | 19/03 2025 |
| 25-KNM-01 Phòng D1-02 (18h30-20h45) | Cô Minh Huyền | Cô Minh Huyền | Cô Minh Huyền | Cô Minh Huyền | Cô Minh Huyền | Nghỉ tết Nguyên đán | Thầy Văn Thuyên | Thầy Văn Thuyên | Thầy Văn Thuyên | Thầy Văn Thuyên | Thầy Văn Thuyên | Cô Hạnh | Cô Hạnh | Cô Hạnh | Cô Hạnh | Cô Hạnh | Thầy Tuấn Anh | Thầy Tuấn Anh | Thầy Tuấn Anh | Thầy Tuấn Anh | Thầy Tuấn Anh |
| | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | Ra quyết định & xử lý vấn đề | | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Chuẩn bị CV & trả lời Phỏng vấn | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Thuyết trình và Làm việc nhóm | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử | Giao tiếp& Ứng xử |
| | Kỹ năng 1 | Kỹ năng 1 | Kỹ năng 1 | Kỹ năng 1 | K.Tra | | Kỹ năng 2 | Kỹ năng 2 | Kỹ năng 2 | Kỹ năng 2 | K.Tra | Kỹ năng 4 | Kỹ năng 4 | Kỹ năng 4 | Kỹ năng 4 | K.Tra | Kỹ năng 3 | Kỹ năng 3 | Kỹ năng 3 | Kỹ năng 3 | K.Tra |

✱✱✱ **Yêu cầu giảng viên điểm danh đầy đủ, chính xác và nhắc nhở các trường hợp vắng nhiều.**

| STT | MÃ SV | HỌ VÀ | TÊN | NGÀY SINH | NƠI SINH | LỚP | KN1 ra Quyết định và Xử lý vấn đề | | | | | KN2 chuẩn bị CV và trả lời Phỏng vấn | | | | | KN3 Giao tiếp và Ứng xử | | | | | KN4 Thuyết trình và Làm việc nhóm | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT | 1 | 2 | 3 | 4 | KT |
| 41 | 221818 | Nguyễn Minh | Thuận | 09/08/2004 | Cà Mau | DH22CKD01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 42 | 225122 | Trần Phạm | Tiến | 30/07/2004 | Hậu Giang | DH22CKD01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 43 | 235654 | Nguyễn Hữu | Toàn | 12/02/2002 | Cần Thơ | DH23LKT01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 44 | 232930 | Vương Thanh | Toàn | 28/04/2005 | Sóc Trăng | DH23LKT01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 45 | 232669 | Lê Thị Bảo | Trâm | 14/10/2005 | Cà Mau | DH23LKT01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 46 | 223937 | Phạm Đức | Trình | 04/03/2004 | Cà Mau | DH22KPM01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 47 | 225629 | Lê Thế | Trung | 16/03/2004 | 0 | DH22KPM01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 48 | 223801 | Phạm Quang | Tường | 07/04/2004 | 0 | DH22CKD01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 49 | 200273 | Lưu Vũ | Tuyển | 31/03/2002 | Cần Thơ | DH20QTK06 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 50 | 221859 | Phạm Lê Hoàng | Vinh | 15/10/2004 | Đồng Tháp | DH22KPM01 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 51 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 52 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 53 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 54 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 55 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 56 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 57 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 58 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 59 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 60 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |